TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 30-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hương

Ông Bùi Văn Khương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2024/TLST- HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang N, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã K, T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang V và bà Lê Thị H (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1989; có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm từ ngày 06/09/2023 đến ngày 11/09/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1959 tại Bắc Giang. Nơi ĐKHKTT: số A đường H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Phòng số 3 nhà số A đường T, phường S, quận H, thàng phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị N1 (đều đã chết); có chồng là Vũ Văn T2, sinh năm 1957; có hai con; con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1986; tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại Bản án số 424/HSST ngày 16/12/1992 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 06 năm tù về mua bán phụ nữ, 02 năm tù về tội môi giới mại dâm. Tổng hợp hình phạt là 08 (tám)

năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/1998 (đã xóa án tích); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 06/09/2023 đến ngày 11/09/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người chứngkiến:* Anh Nguyễn Văn H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/9/2023, Lê Quang N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16F1 - 7920 đi từ nhà tới phòng trọ của Nguyễn Thị T ở phòng số 3 khu nhà số A đường T, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng để mua 800.000 đồng ma túy Heroine. T đồng ý nhận tiền và đưa cho N 01 túi nilon bên trong có 04 gói giấy chứa ma túy Heroine. N biết là ma túy nên cầm cho vào bên trong ví da rồi cất ví vào túi quần bên phải phía sau đang mặc, sau đó N đi ra đến khu vực đầu ngõ thì N lấy 01 gói ma túy vừa mua ra chia làm 2 nửa để được thêm 01 gói khác, tổng N có 05 gói. N tiếp tục cho 05 gói vào ví và cất vào túi quần phía sau và điều khiển xe đi về nhà. Đến 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi N đi đến khu vực trước cổng kho vật tư nông nghiệp đường B, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng thì tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận H phát hiện Lê Quang N có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu N về trụ sở Công an phường T làm việc, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Thu giữ tại túi quần bên phải phía sau của Lê Quang N: 01 ví da màu đen, bên trong ví có 01 túi nilon chứa 05 gói giấy màu trắng, bên trong gói giấy có chất bột màu trắng (nghi ma túy); 01 xe mô tô biển kiểm soát 16F1 - 7920.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Quang N tại xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Căn cứ lời khai của Lê Quang N, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Thị T tại phòng trọ số 3 khu nhà số A đường T, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng, thu giữ trong ngăn kéo tủ quần áo: 01 lọ nhựa màu xanh trong có 05 gói giấy đều chứa chất bột dạng cục màu trắng nghi ma túy (mẫu KX01); 01 lọ nhựa màu trắng trong có 09 gói giấy đều chứa chất bột dạng cục màu trắng nghi ma túy (mẫu KX02), số tiền 228.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu xanh.

Tại Kết luận giám định số 702/KL - KTHS ngày 09/09/2023 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: *"Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,75 gam, loại Herone (*H*)"*.

Tại Kết luận giám định số 703/KL - KTHS ngày 09/09/2023 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: *"Chất bột màu trắng của mẫu KX01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,71 gam, loại Heroine (Heroin); chất bột màu trắng của mẫu KX02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,74 gam, loại Heroine (*H*)"*.

Tại kết luận giám định số 733/KL - KTHS ngày 13/12/2023 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: "*Trích xuất thông tin 45 danh bạ, 123 cuộc gọi trong khoảng thời gian từ ngày 06/6/2023 đến 06/9/2023 trên điện thoại nhãn hiệu NOKIA ...không tìm thấy dữ liệu có liên quan*".

Kết quả xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu đối với Lê Quang N dương tính với chất ma túy Heroine, đối với Nguyễn Thị T âm tính với các chất ma túy.

Tại Cơ quan điều tra Lê Quang N khai nhận như đã nêu trên. Nguyễn Thị T khai nhận: Do không có việc làm nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/09/2023, T đi đến khu vực đường T, quận L, thành phố Hải Phòng hỏi mua của một người nam giới không quen biết 1.650.000 đồng tiền ma túy loại Heroine. Người nam giới đồng ý, và đưa cho T 02 gói giấy bên trong chứa ma túy Heroine, T nhận ma túy mang về phòng trọ số 3 nhà số A đường T, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng và chia số ma túy vừa mua thành 18 gói nhỏ. Trong đó, 09 gói Thúy chia bán với giá 100.000 đồng đựng trong một lọ nhựa màu trắng và 09 gói bán với giá 200.000 đồng đựng trong lọ nhựa màu xanh đều để trong ngăn kéo tủ quần áo. Nếu bán hết số ma túy trên thì T sẽ được hưởng lợi số tiền 1.050.000 đồng. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/09/2023 T đã bán cho Lê Quang N 01 túi nilon bên trong có 04 gói ma túy Heroine (loại 200.000 đồng/1 gói) và thu được của N 800.000 đồng, số còn lại 14 gói Thúy chưa kịp bán cho ai thì bị Cơ quan Công an khám xét thu giữ. Số tiền bán ma túy cho Lê Quang N, T đã chi tiêu cá nhân, mua đồ sinh hoạt hết 572.000 đồng, còn lại 228.000 đồng bị cơ quan Công an thu giữ.

Lời khai của Lê Quang N và Nguyễn Thị T phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết quả khám xét, kết quả giám định chất ma túy, lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng:

- Chuyển Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng: số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong số 702MT/PC09 và số 703MT/PC09, số tiền 228.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu xanh.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 16F1 - 7920 quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị M, sinh năm 1971; nơi cư trú: xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; ngày 06/09/2023 bà M cho Lê Quang N mượn xe để đi làm, việc N sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy bà M không được biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà Trần Thị M quản lý và sử dụng.

Tại Bản Cáo trạng số 08/CT-VKSHB ngày 11/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Lê Quang Ninh về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật

Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết quả khám xét, kết quả giám định chất ma túy, lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quang N với mức án từ 21 đến 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T với mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao bì của mẫu QT sau giám định có dấu niêm phong số 702MT/PC09 của Phòng K (PC09) Công an thành phố H; 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao bì của mẫu QT sau giám định có dấu niêm phong số 703MT/PC09 của Phòng K (PC09) Công an thành phố H; 01 ví da màu đen (đã qua sử dụng) thu của bị cáo N; trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh (đã qua sử dụng dạng phím bấm) có IMEI 1:357705104851418; IMEI 2: 357705104851426; tịch thu sung qũy Nhà nước số tiền 228.000 đồng là tiền bị cáo T bán ma túy cho bị cáo N ngày 06/9/2023.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp lại số tiền 572.000 *(năm trăm bảy mươi hai nghìn)* đồng là tiền giao dịch mua bán ma túy cho Lê Quang N ngày 06/9/2023 sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 16F1 - 7920 quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị M, sinh năm 1971; nơi cư trú: xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; ngày 06/09/2023 bà M cho Lê Quang N mượn xe để đi làm, việc N sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy bà M không được biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà Trần Thị M quản lý và sử dụng, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Lê Quang N phải nộp 200.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị T,

sinh năm 1959 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp áp phí, nên miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của người chứng kiến:

[3] Người chứng kiến anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa về sự vắng mặt của người chứng kiến. Xét thấy người chứng kiến đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người chứng kiến anh H1.

- Về tội danh:

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Quang N và Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết quả khám xét, kết quả giám định chất ma túy, lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/9/2023 tại khu vực đường B, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, Lê Quang N có hành vi cất giữ trái phép 0,75 gam ma túy loại Hero ine mục đích sử

dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang. Nguyễn Thị T có hành vi tàng trữ tổng số 1,45 gam ma túy loại Heroine, mục đích Thúy cất giữ để bán kiếm lời, ngày 06/09/2023 T đã bán 01 lần cho Lê Quang N 0,75 gam ma túy loại Heroine với giá 800.000 đồng, T được hưởng lợi 280.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi (ngày 06/9/2023), các bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự; các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy hành vi của bị cáo Lê Quang N đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; hành vi của Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma tuý, xâm phạm trật tự trị an xã hội, làm phát sinh, gia tăng nhiều loại tội phạm hình sự khác.

- Xét về nhân thân của các bị cáo:

[6] Bị cáo Nguyễn Thị T có 01 tiền án: Tại bản án số 424/1992/HSST ngày 16/12/1992 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 08 năm tù về các tội Mua bán phụ nữ và Môi giới mại dâm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/1998 (đã xóa án tích), nên cần đánh giá bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo Lê Quang N không có tiền án, tiền sự.

- Xét vai trò và hình phạt:

[7] Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo là độc lập không cùng tội; đối với bị cáo T mục đích mua ma túy về rồi bán lại kiếm lời, nhân thân đã từng có một tiền án tuy đã được xóa án tích; bị cáo N mục đích mua ma túy của bị cáo T tàng trữ trong người để sử dụng cho bản thân. Căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo để xét xử bị cáo Nguyễn Thị T mức án nghiêm khắc và cao hơn bị cáo N mới đảm bảo tính công bằng của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[8] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[9] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; sau khi xem xét các tài liệu chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bắt các bị cáo phải chấp hành tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới có đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[11] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và xét hỏi tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng, bị cáo T là người cao tuổi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[12] Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao bì của mẫu QT sau giám định có dấu niêm phong số 702MT/PC09 của Phòng K (PC09) Công an thành phố H; 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao bì của mẫu QT sau giám định có dấu niêm phong số 703MT/PC09 của Phòng K (PC09) Công an thành phố H; 01 ví da màu đen thu của bị cáo N (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh (đã qua sử dụng dạng phím bấm) có IMEI1: 357705104851418; IMEI2: 357705104851426.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 228.000 đồng là tiền bị cáo T bán ma túy cho bị cáo N ngày 06/9/2023.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 16F1 - 7920 quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị M, sinh năm 1971; nơi cư trú: xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; ngày 06/09/2023 bà M cho Lê Quang N mượn xe để đi làm, việc N sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy bà M không được biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà Trần Thị M quản lý và sử dụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp:

[13] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp lại số tiền 572.000 *(năm trăm bảy mươi hai nghìn)* đồng, là tiền giao dịch mua bán ma túy cho Lê Quang N ngày 06/9/2023 sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí:

[14] Bị cáo Lê Quang N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 là người cao tuổi, tại phiên tòa sau khi được hỏi bị cáo đề nghị và có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí hình sự cho bị cáo T.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[15] Các bị cáo Lê Quang N và Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này:

[16] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Thị T hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H tiếp tục xác minh xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Quang N 21 (hai mươi mốt) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị T 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao bì của mẫu QT sau giám định có dấu niêm phong số 702MT/PC09 của Phòng K (PC09) Công an thành phố H; 01 (một) bì giấy nguyên niêm phong chứa mẫu vật còn lại và vỏ bao bì của mẫu QT sau giám định có dấu niêm phong số 703MT/PC09 của Phòng K (PC09) Công an thành phố H; 01 ví da màu đen thu của bị cáo N (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu xanh (đã qua sử dụng dạng phím bấm) có IMEI1: 357705104851418; IMEI2: 357705104851426 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 228.000 *(hai trăm hai mươi tám nghìn)* đồng (Theo biên lai thu tiền số 0002524 ngày 10/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp lại số tiền 572.000 *(năm trăm bảy mươi hai nghìn)* đồng là tiền giao dịch mua bán ma túy cho Lê Quang N ngày 06/9/2023 sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Quang N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị T.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo Lê Quang N và Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận Hồng Bàng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười